

ĐỀ ÁN

**kết thúc hoạt động các đảng đoàn, ban cán sự đảng;
Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh, Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh**

Phần thứ nhất

Sự cần thiết và căn cứ xây dựng Đề án

I. Sự cần thiết

Đề án nhằm triển khai, cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 118-KL/TW, ngày 18/01/2025 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 12/12/2024 của Ban Chỉ đạo triển khai, định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

II. Căn cứ xây dựng Đề án

1. Văn bản Trung ương

- Quy định số 232-QĐ/TW, ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về thi hành Điều lệ Đảng.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kết luận số 28-KL/TW, ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Kết luận số 114-KL/TW, ngày 11/01/2025 của Bộ Chính trị về tình hình tiến độ triển khai tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và đề xuất kết thúc hoạt động của ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối ở Trung ương và địa phương, lập 4 đảng bộ mới trực thuộc Trung ương và 2 đảng bộ mới trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Kết luận số 118-KL/TW, ngày 18/01/2025 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Kế hoạch số 04-KH/BCĐ, ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Kết luận số 09-KL/BCĐ, ngày 24/11/2024; Công văn số 20-CV/BCĐ, ngày 05/12/2024; Công văn số 22-CV/BCĐ, ngày 05/12/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc triển khai nhiệm vụ tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

2. Văn bản cấp tỉnh

- Kế hoạch số 143-KH/TU, ngày 22/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Kế hoạch số 03-KH/BCĐ, ngày 12/12/2024 của Ban Chỉ đạo tỉnh triển khai, định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Phần thứ hai

Thực trạng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng đoàn, ban cán sự đảng; Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh, đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh

I. Thực trạng các đảng đoàn, ban cán sự đảng

1. Thực hiện Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn về thi hành Điều lệ Đảng (*sửa đổi, bổ sung qua mỗi kỳ đại hội*), Quy định số 231-QĐ/TW, ngày 16/6/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc (*viết tắt là Quy định số 231-QĐ/TW*) Công văn số 4917-CV/BTCTW, ngày 21/6/2009 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định số 231-QĐ/TW. Từ năm 2009 đến nay, toàn tỉnh có **07 đảng đoàn**: (1) Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; (3) Liên đoàn Lao động tỉnh; (4) Hội Nông dân tỉnh; (5) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; (6) Hội Cựu chiến binh tỉnh; (7) Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; **03 ban cán sự đảng**: (1) Ủy ban nhân dân tỉnh; (2) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; (3) Tòa án nhân dân tỉnh.

Cơ cấu, tổ chức, số lượng ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng được thực hiện theo tổ chức, số lượng cán bộ lãnh đạo của mỗi cơ quan, đơn vị, trung bình mỗi đảng đoàn, ban cán sự đảng có từ 05 đồng chí, trong đó cơ cấu: Đồng chí chủ tịch (*HĐND, UBND*), trưởng các đơn vị, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh làm bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng, 01 đồng chí cấp phó làm phó bí thư, các đồng chí cấp phó còn lại và từ 01 - 02 đồng chí trưởng đơn vị trực thuộc là ủy viên. Sau mỗi kỳ đại hội Đảng, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đại hội các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh hoặc khi có thay đổi về nhân sự của các cơ quan, đơn vị có tổ chức đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều kịp thời bổ sung, chỉ định, củng cố, kiện toàn nhân sự đảng đoàn, ban cán sự đảng để lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ chính trị¹ (*có Phụ lục thống kê kèm theo*).

¹ 41 văn bản đối với đảng đoàn; 17 văn bản đối với ban cán sự đảng.

2. Đảng đoàn, ban cán sự đảng thực hiện kiêm nhiệm, không tổ chức bộ phận giúp việc chuyên trách, các nhiệm vụ cụ thể được phân công cho từng thành viên trong Quy chế hoạt động.

3. Hoạt động chính của đảng đoàn, ban cán sự đảng là thực hiện những nhiệm vụ về tổ chức, cán bộ theo phân công, phân cấp quản lý; phối hợp với các cấp ủy đảng để xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

4. Bên cạnh những ưu điểm, kết quả đạt được, còn có những hạn chế nhất định, cụ thể:

- Vai trò, phương thức tác động, sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với đảng đoàn, ban cán sự đảng chưa thường xuyên, bao quát toàn diện nhiệm vụ chính trị theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng được điều chỉnh bởi nhiều văn bản, vì vậy khi thực hiện có nội dung, thẩm quyền chưa thực sự thống nhất. Hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng có một số nội dung mang tính thủ tục hành chính như một cấp trung gian. Sinh hoạt của một số đảng đoàn, ban cán sự đảng chủ yếu tập trung bàn về công tác tổ chức, cán bộ, chưa thực sự toàn diện theo chức năng, nhiệm vụ; công tác kiểm tra, giám sát cũng như một số công tác khác còn hạn chế; hoạt động của đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đôi lúc còn lúng túng, nhất là khi tham gia về công tác tổ chức, cán bộ chưa phân biệt được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đảng đoàn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ của tổ chức chính trị - xã hội.

II. Thực trạng Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh

Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh là đảng bộ cấp trên cơ sở, được đổi tên từ Đảng bộ khối Dân chính Đảng theo Quyết định số 1429-QĐ/TU, ngày 24/08/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thực hiện Quyết định số 40-QĐ/TU, ngày 09/7/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các quy định trước về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Đảng ủy, thời gian qua, Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh đã lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong khối thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong khối trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan và đoàn thể trong khối vững mạnh; kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong khối chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các chủ trương, giải pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng trong khối tương đối hiệu quả.

Tuy vậy, việc lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh chưa thực sự bao quát toàn diện, nhất là công tác lãnh đạo về thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn, công tác tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan, đơn vị, chủ yếu mang tính chất nghiệp vụ về công tác đảng, xây dựng tổ chức cơ sở đảng.

1. Toàn Đảng bộ hiện có 66 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc với 3.134 đảng viên (có danh sách tổ chức cơ sở đảng, số lượng đảng viên kèm theo).

2. Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 có 17 đồng chí; Ban Thường

vụ 05 đồng chí; Thường trực Đảng ủy 03 đồng chí: Bí thư; 02 Phó bí thư.

3. Tổ chức, bộ máy:

Tổng số biên chế được giao năm 2025: 16 biên chế; số biên chế đang sử dụng hiện có 15 người; 04 cơ quan tham mưu, giúp việc; Đoàn thanh niên Khối, cụ thể như sau:

3.1. Thường trực Đảng ủy: 03 đồng chí.

3.2. Ban Tổ chức Đảng ủy: 04 đồng chí (*Trưởng ban, Phó Trưởng ban và 02 chuyên viên*).

3.3. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: 03 đồng chí (*Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, 01 Ủy viên*).

3.4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy: 02 đồng chí (*01 Phó bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm Trưởng ban*), 01 phó trưởng ban, 01 chuyên viên.

3.5. Văn phòng Đảng ủy: 03 đồng chí (*Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, 01 chuyên viên*).

3.6. Đoàn khối: 01 đồng chí Bí thư Đoàn.

3.7. Hợp đồng lao động: 03 người Hợp đồng lao động: 03 người (*01 lái xe, 01 tạp vụ; 01 bảo vệ*).

Khi kết thúc hoạt động Đảng bộ còn 15 cán bộ, công chức/16 biên chế được giao. Đến ngày 11/02/2025 có 03 cán bộ, công chức có đơn xin nghỉ hưu trước tuổi (*01 cán bộ, 01 chuyên viên, 01 kế toán*), như vậy, số cán bộ, công chức chuyển về Tỉnh ủy để sắp xếp còn 12 cán bộ, công chức cho 02 Đảng ủy khi thành lập Đảng bộ mới. 01 hợp đồng lao động (*lái xe*) xin nghỉ, như vậy, hợp đồng lao động còn 02 người.

(có các biểu thống kê kèm theo)

III. Thực trạng Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh

Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh là đảng bộ cấp trên cơ sở được thành lập theo Quyết định số 02-QĐ/TU, ngày 02/10/1996 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thực hiện Quyết định số 39-QĐ/TU, ngày 09/7/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các quy định trước về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Đảng ủy, thời gian qua, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh đã thực hiện chức năng lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong khối về xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng doanh nghiệp và đoàn thể trong doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong khối chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các chủ trương, giải pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp ở địa phương.

Tuy vậy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện nhất là đối với doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần không có vốn nhà nước (*về phát triển doanh nghiệp, giúp đỡ doanh nghiệp khi gặp khó khăn, công tác bố trí, cơ cấu cấp ủy, đảng viên*

của tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp ...) rất hạn chế. Công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các chủ trương, giải pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa thực sự hiệu quả.

1. Toàn Đảng bộ hiện có 53 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc với 1.492 đảng viên (*có danh sách tổ chức cơ sở đảng, số lượng đảng viên kèm theo*).

2. Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 có 17 đồng chí; Ban Thường vụ 04 đồng chí; Thường trực Đảng ủy 01 đồng chí: Bí thư.

3. Tổ chức, bộ máy:

Tổng số biên chế được giao năm 2025: 16 biên chế ; số biên chế đang sử dụng hiện có 14 người; 04 cơ quan tham mưu, giúp việc; Đoàn thanh niên Khối, cụ thể như sau:

3.1. Thường trực Đảng ủy: 02 đồng chí.

3.2. Ban Tổ chức Đảng ủy: 04 đồng chí (*Trưởng ban, Phó Trưởng ban và 02 chuyên viên*).

3.3. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: 03 đồng chí (*Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, 01 Ủy viên*).

3.4. Ban Tuyên giáo - Dân vận Đảng ủy: 01 đồng chí (*Trưởng ban*).

3.5. Văn phòng Đảng ủy: 03 đồng chí (*Chánh Văn phòng, 02 chuyên viên*).

3.6. Đoàn khối: 01 đồng chí Bí thư Đoàn.

3.7. Hợp đồng lao động: 03 người (*01 lái xe, 01 tạp vụ; 01 bảo vệ*).

Khi kết thúc hoạt động Đảng bộ còn 13 cán bộ, công chức/16 biên chế được giao. Đến ngày 10/02/2025 có 03 cán bộ, công chức có đơn xin nghỉ hưu trước tuổi, như vậy, số cán bộ, công chức chuyển về Tỉnh ủy để sắp xếp còn 10 cán bộ, công chức cho 02 Đảng ủy khi thành lập Đảng bộ mới.

(có các biểu thống kê kèm theo)

Phần thứ ba

Phương án kết thúc hoạt động các đảng đoàn, ban cán sự đảng; Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh, Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh

I. Kết thúc hoạt động của 07 đảng đoàn, 03 ban cán sự đảng, gồm:

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh;
2. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
3. Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh;
4. Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh;
5. Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
6. Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh;

7. Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh.

8. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

9. Ban cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;

10. Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh.

- Chuyển giao chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng trước đây về các đảng bộ, chi bộ cơ sở. Đồng thời thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở ở cơ quan, tổ chức nơi kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng tại Quy định số 255-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng có trách nhiệm bàn giao con dấu cho Văn phòng Tỉnh ủy; chuyển giao các hồ sơ, tài liệu cho đảng bộ, chi bộ cơ sở của cơ quan để lưu trữ theo quy định.

II. Kết thúc hoạt động Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh, Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh

1. Tổng số có 119 tổ chức cơ sở đảng; 4.626 đảng viên trực thuộc 02 Đảng bộ (Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh 66 tổ chức cơ sở đảng và 3.134 đảng viên; Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh có 53 tổ chức cơ sở đảng và 1.492 đảng viên).

2. Tổng số cán bộ, công chức khi kết thúc hoạt động 02 Đảng bộ Khối còn 23 người/32 biên chế (Khối Cơ quan tỉnh 13 người; Khối Doanh nghiệp tỉnh 10 người).

Nội dung cụ thể như sau :

1. Kết thúc hoạt động Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh

1.1. Kết thúc hoạt động Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh, chuyển giao 66 tổ chức cơ sở đảng và 3.134 đảng viên về Tỉnh ủy để thành lập Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

- Chuyển 19 tổ chức cơ sở đảng, 545 đảng viên để thành lập Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh.

(có danh sách tổ chức đảng, số lượng đảng viên kèm theo)

- Chuyển giao 47 tổ chức cơ sở đảng, 2.589 đảng viên để thành lập Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh.

(có danh sách tổ chức cơ sở đảng, số lượng đảng viên kèm theo)

1.2. Cộng dồn toàn bộ biên chế của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh để sắp xếp lại tổ chức, bộ máy phục vụ cho 02 Đảng bộ mới thành lập trừ đi số cán bộ, công chức nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác.

1.3. Đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy có trách nhiệm kiểm kê tài chính, tài sản, bảo quản cơ sở vật chất để bàn giao về Tỉnh ủy theo quy định.

1.4. Bàn giao con dấu cho Văn phòng Tỉnh ủy; chuyển giao tổ chức đảng, đảng viên, các hồ sơ, tài liệu cho 02 Đảng bộ mới thành lập để lưu trữ theo quy định.

1.5. Chuyển giao chức năng, nhiệm vụ của Đoàn thanh niên Khối về Tỉnh đoàn Lâm Đồng.

2. Kết thúc hoạt động Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh.

2.1. Chuyển giao 53 tổ chức cơ sở đảng và 1.492 đảng viên về trực thuộc các Đảng bộ:

(1) 10 tổ chức cơ sở đảng, 895 đảng viên về Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh.

(có danh sách tổ chức cơ sở đảng, số lượng đảng viên kèm theo)

(2) 28 tổ chức cơ sở đảng, 411 đảng viên về Đảng bộ thành phố Đà Lạt.

(có danh sách tổ chức cơ sở đảng, số lượng đảng viên kèm theo)

(3) 08 tổ chức cơ sở đảng, 115 đảng viên về Đảng bộ thành phố Bảo Lộc.

(có danh sách tổ chức cơ sở đảng, số lượng đảng viên kèm theo)

(4) 04 tổ chức cơ sở đảng, 45 đảng viên về Đảng bộ huyện Di Linh.

(có danh sách tổ chức cơ sở đảng, số lượng đảng viên kèm theo)

(5) 03 tổ chức cơ sở đảng, 26 đảng viên về Đảng bộ huyện Đức Trọng.

(có danh sách tổ chức cơ sở đảng, số lượng đảng viên kèm theo)

2.2. Cộng dồn toàn bộ biên chế của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh để sắp xếp lại tổ chức, bộ máy phục vụ cho 02 Đảng bộ mới thành lập trừ đi số cán bộ nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác.

2.3. Đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy có trách nhiệm kiểm kê tài chính, tài sản, bảo quản cơ sở vật chất để bàn giao về Tỉnh ủy theo quy định.

2.4. Bàn giao con dấu cho Văn phòng Tỉnh ủy; chuyển giao tổ chức đảng, đảng viên, các hồ sơ, tài liệu cho các Đảng bộ trên để lưu trữ theo quy định.

2.5. Chuyển giao chức năng, nhiệm vụ của Đoàn thanh niên khối về Tỉnh đoàn Lâm Đồng.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội thuộc 02 Đảng ủy kết thúc hoạt động để thành lập lại trên cơ sở tổ chức, bộ máy và hoạt động của 02 Đảng bộ mới.

III. Phương án sắp xếp cán bộ, công chức, tài chính, tài sản, trụ sở làm việc của 02 Đảng ủy khối

1. Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh:

- Tổng biên chế được giao: 16 biên chế.

- Tổng số cán bộ, công chức hiện có: 15 người.

- Hợp đồng lao động 03 (01 tạp vụ, 01 bảo vệ ; 01 lái xe), có 01 người xin nghỉ hưu trước tuổi (lái xe).

- Số cán bộ, công chức còn lại khi sắp xếp **có 12 người**; 03 người có đơn xin nghỉ hưu trước tuổi; Hợp đồng lao động 02 (01 tạp vụ, 01 bảo vệ).

2. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh:

- Tổng biên chế được giao: 16 biên chế.
- Tổng số cán bộ, công chức hiện có 13 biên chế.

- *Số cán bộ, công chức còn lại khi sắp xếp có 10 người; 03 người có đơn xin nghỉ hưu trước tuổi; hợp đồng lao động 03 (01 lái xe, 01 tạp vụ, 01 bảo vệ).*

3. Tổng số cán bộ, công chức khi kết thúc hoạt động 02 Đảng bộ: 22 cán bộ, công chức/32 biên chế được giao; 05 hợp đồng lao động.

4. Định hướng phương án sắp xếp, bố trí

- Trên tinh thần lựa chọn đúng cán bộ để sắp xếp, điều chuyển, bố trí vào các vị trí lãnh đạo, chuyên viên của các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy khi thành lập. Nguyên tắc sắp xếp không cộng dồn, điều chuyển cơ học, mà có sự sắp xếp chung theo yêu cầu thực tế của từng Đảng bộ khi thành lập để bố trí cán bộ, công chức hợp lý, khách quan, minh bạch, dân chủ, không cào bằng, không phân biệt cán bộ, công chức của 02 Đảng ủy khối cơ quan và Doanh nghiệp khi kết thúc hoạt động.

- Đề xuất số lượng biên chế khi thành lập 02 Đảng bộ (*các cơ quan Đảng tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh*) là **30 biên chế/32 biên chế** được giao. *Lý do:* Để đảm bảo việc bố trí biên chế cho thường trực đảng ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của 02 cơ quan (*Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh*) khi đi vào hoạt động; đồng thời đảm bảo việc tinh giản biên chế theo lộ trình, cơ cấu cụ thể như sau:

- Giao **13 biên chế** về Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; **17 biên chế** về Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh để sắp xếp, thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy và Thường trực Đảng ủy.

- Số cán bộ, công chức làm việc chuyên trách của 02 Đảng ủy sẽ được điều động, bổ sung từ nguồn khác về (*đề xuất từ các sở, ngành hợp nhất nếu đủ điều kiện*) để đảm bảo bộ máy hoạt động.

IV. Đánh giá tác động của Đề án

1. Sau khi kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng giảm 10 đầu mối trực thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy (07 Đảng đoàn, 03 Ban cán sự đảng).

2. Sau khi kết thúc hoạt động của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh; Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh, dự kiến giảm 02 biên chế, tỷ lệ giảm 6,25% so với tổng số biên chế được giao cho 02 Đảng bộ Khối trước khi kết thúc hoạt động (32 biên chế). Giảm 02 chức danh Bí thư Đảng ủy chuyên trách; 01 chức danh Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách.

3. Việc sắp xếp lại, kết thúc hoạt động của các tổ chức đảng (*đảng đoàn, ban cán sự đảng, 02 Đảng bộ Khối*) không chỉ tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động mà còn giảm bớt một số khâu trung gian, bảo đảm tính tập trung, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, giảm tình trạng chồng chéo, buông lỏng hoặc bao biện trong lãnh đạo, chỉ đạo.

4. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng bộ Khôi các cơ quan tỉnh; Đảng bộ Khôi Doanh nghiệp tỉnh khi kết thúc hoạt động và việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan tham mưu, giúp việc khi thành lập Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh là vấn đề nhạy cảm, không tránh khỏi tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của một số cán bộ, công chức. Vì vậy, cần xem xét kỹ lưỡng khi sắp xếp công tác cán bộ, công chức đảm bảo công tâm, minh bạch, dân chủ, khách quan, thận trọng, phát huy đúng năng lực, sở trường của cán bộ.

Phần thứ tư **Tổ chức thực hiện**

I. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Tham mưu

- 1.1. Quyết định kết thúc hoạt động đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh.
- 1.2. Quyết định kết thúc hoạt động Đảng bộ Khôi các cơ quan tỉnh.
- 1.3. Quyết định kết thúc hoạt động Đảng bộ Khôi Doanh nghiệp tỉnh.

3. Hướng dẫn, thực hiện các thủ tục chuyển giao các tổ chức cơ sở đảng và chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Phối hợp, hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi... theo quy định của pháp luật.

II. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Định hướng, cung cấp thông tin cho các cơ quan truyền thông, tăng cường quán triệt, tuyên truyền sâu, rộng trong hệ thống chính trị và Nhân dân, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức và những người trực tiếp chịu tác động của việc kết thúc hoạt động hiệu, đồng thuận, thống nhất trong nhận thức để tham gia thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng.

III. Văn phòng Tỉnh ủy

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí, sắp xếp địa điểm, trụ sở làm việc, chỉ đạo việc kiểm kê, bàn giao tài chính, tài sản, cơ sở vật chất để bộ máy của 02 Đảng ủy đi vào hoạt động ổn định ngay sau khi có quyết định thành lập.

IV. Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn việc sắp xếp, chuyển giao, kiện toàn tổ chức khi có quyết định.

V. Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Xây dựng Quy chế làm việc, chương trình công tác, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của tổ

chức cơ sở đảng theo quy định. Tiếp tục chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội đảng bộ, chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc theo định hướng của Đề án này.

3. Sắp xếp các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, tinh gọn bộ máy theo thẩm quyền.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo thành lập các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định.

VI. Đảng bộ Khôi các cơ quan tỉnh; Đảng bộ Khôi Doanh nghiệp tỉnh

Đây là chủ trương lớn của Đảng, được toàn Đảng và Nhân dân đồng tình ủng hộ, vì vậy, đề nghị: Giao Ban Thường vụ 02 Đảng ủy Khôi, người đứng đầu các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy cần nhận thức rõ và tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu sắc, kỹ lưỡng trong đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, không để nảy sinh tư tưởng, vướng mắc trong quá trình sắp xếp trước khi kết thúc hoạt động.

Trên đây là Đề án kết thúc hoạt động tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh, Tỉnh đoàn,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Tòa án nhân dân tỉnh,
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Bùi Thắng

DANH SÁCH**tổ chức cơ sở đảng, đảng viên trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh**

Số tt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
1	Đảng bộ Văn phòng Tỉnh ủy	59
2	Chi bộ CQ Tỉnh Đoàn	23
1	Chi bộ Cơ quan UBKT Tỉnh ủy	22
4	Chi bộ Hội Cựu chiến binh Tỉnh	12
5	Chi bộ Hội nông dân Tỉnh	23
6	Chi bộ CQ Đảng ủy khối CCQ Tỉnh	17
7	Chi bộ Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	32
8	Chi bộ CQ UBMTTQVN Tỉnh	16
9	Chi bộ Báo Lâm Đồng	30
10	Chi bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy	24
11	Chi bộ Ban Nội chính Tỉnh ủy	18
12	Chi bộ Liên đoàn lao động Tỉnh	25
13	Đảng bộ Trường Chính trị	32
14	Đảng bộ Sở Nông nghiệp và PTNT	268
15	Đảng bộ Văn phòng UBND Tỉnh	78
16	Đảng bộ Sở Giao thông - Vận tải	54
17	Đảng bộ Cục Thuế	288
18	Đảng bộ Sở Tài nguyên - Môi trường	126
19	Đảng bộ Sở Tài chính	43
20	Đảng bộ Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	55
21	Đảng bộ Sở Tư pháp	57
22	Đảng bộ Sở Văn hóa - Thể thao & DL	112
23	Đảng bộ Cục Quản lý Thị trường	41
24	Đảng bộ Sở Công Thương	40
25	Đảng bộ Sở Lao động TB&Xã hội	117
26	Đảng bộ Sở Nội vụ	61
27	Đảng bộ Sở Y tế	59
28	Sở Giáo dục và Đào tạo	47
29	Đảng bộ Sở Thông tin&Truyền thông	33
30	Đảng bộ Sở Khoa học & Công nghệ	48
31	Đảng bộ Sở xây dựng	42
32	Đảng bộ VP Đoàn ĐBQH-HĐND	35

33	Đảng bộ Tòa án nhân dân Tỉnh	41
34	Chi bộ Kho Bạc NN Lâm Đồng	30
35	Chi bộ BQL các khu công nghiệp	25
36	Chi bộ Thanh tra Tỉnh	30
37	Chi bộ Cục Thống kê	19
38	Chi bộ Sở kế hoạch và đầu tư	34
39	Chi bộ Cục thi hành án dân sự	21
40	Chi bộ Chi nhánh NHPT Lâm Đồng	17
41	Chi bộ cơ quan Hội LHPN tỉnh	18
42	Chi bộ Ban Dân tộc	10
43	Ban QLDA giao thông tỉnh Lâm Đồng	19
44	Chi bộ Hội chữ thập đỏ Tỉnh	9
45	Chi bộ Cơ quan Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Lâm Đồng	5
46	Chi bộ Liên minh HTX tỉnh	8
47	Chi bộ Trung tâm Kiểm nghiệm DPMP	13
48	Chi bộ Viện KH LN Nam Trung bộ và TN	12
49	Chi bộ Quỹ Đầu tư phát triển	15
50	Chi bộ Hội luật gia	7
51	Trường Cao đẳng Đà Lạt	160
52	Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng	36
53	Đảng bộ Bệnh viện đa khoa	178
54	Đảng bộ Đài PT&TH Lâm Đồng	58
55	Chi bộ Hội Văn nghệ - Nhà báo	9
56	Bệnh viện YHCT Phạm Ngọc Thạch	51
57	Đảng bộ Trường ĐH Yersin	51
58	Đảng bộ Vườn QG Bidoup-Núi bà	60
59	Đảng bộ TT kiểm soát bệnh tật	82
60	Đảng bộ Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng	51
61	Đảng bộ Bệnh viện Phục hồi chức năng	34
62	Chi bộ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng	17
63	Chi bộ Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt	24
64	Chi bộ TT ứng dụng KTHN trong CN	14
65	Chi bộ Bệnh viện Nhi	22
66	Chi bộ Đoàn Luật sư	17
	Tổng cộng: 66 tổ chức cơ sở đảng	3134

*

DANH SÁCH

**tổ chức cơ sở đảng, đảng viên của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh
chuyển giao về Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh**

(theo Quyết định số -QĐ/TU, ngày /02/2025 của BTV Tỉnh ủy)

Số tt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
1	Đảng bộ Văn phòng Tỉnh ủy	59
2	Chi bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy	24
3	Chi bộ Cơ quan UBKT Tỉnh ủy	22
4	Chi bộ Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	32
5	Chi bộ Ban Nội chính Tỉnh ủy	18
6	Đảng bộ VP Đoàn ĐBQH-HĐND	35
7	Chi bộ CQ UBMTTQVN Tỉnh	16
8	Chi bộ Hội Cựu chiến binh Tỉnh	12
9	Chi bộ Hội nông dân Tỉnh	23
10	Chi bộ cơ quan Hội LHPN tỉnh	18
11	Chi bộ Liên đoàn lao động Tỉnh	25
12	Chi bộ Cơ quan Tỉnh Đoàn	23
13	Đảng bộ Viện Kiểm sát nhân dân	55
14	Đảng bộ Tòa án nhân dân Tỉnh	41
15	Đảng bộ Trường Chính trị	32
16	Chi bộ Báo Lâm Đồng	30
17	Đảng bộ Đài PT&TH Lâm Đồng	58
18	Chi bộ Cơ quan Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Lâm Đồng	5
19	Chi bộ Cơ quan Đảng ủy khối	17
	Tổng cộng: 19 tccsd	545

DANH SÁCH

**tổ chức cơ sở đảng, đảng viên của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh
chuyển giao về Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh**

Số tt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
1	Đảng bộ Sở Nông nghiệp và PTNT	268
2	Đảng bộ Văn phòng UBND Tỉnh	78
3	Đảng bộ Sở Giao thông - Vận tải	54
4	Đảng bộ Cục Thuế	288
5	Đảng bộ Sở Tài nguyên - Môi trường	126
6	Đảng bộ Sở Tài chính	43
7	Đảng bộ Sở Tư pháp	57
8	Đảng bộ Sở Văn hóa - Thể thao & DL	112
9	Đảng bộ Cục Quản lý Thị trường	41
10	Đảng bộ Sở Công Thương	40
11	Đảng bộ Sở Lao động TB&Xã hội	117
12	Đảng bộ Sở Nội vụ	61
13	Đảng bộ Sở Y tế	59
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	47
15	Đảng bộ Sở Thông tin&Truyền thông	33
16	Đảng bộ Sở Khoa học & Công nghệ	48
17	Đảng bộ Sở xây dựng	42
18	Chi bộ KBNN Lâm Đồng	30
19	Chi bộ BQL các khu công nghiệp	25
20	Chi bộ Thanh tra Tỉnh	30
21	Chi bộ Cục Thống kê	19
22	Chi bộ Sở kế hoạch và đầu tư	34
23	Chi bộ Cục thi hành án dân sự	21
24	Chi bộ Chi nhánh NHPT Lâm Đồng	17
25	Chi bộ Ban Dân tộc	10
26	Ban QLDA giao thông tỉnh Lâm Đồng	19
27	Chi bộ Hội chữ thập đỏ Tỉnh	9
28	Chi bộ Liên minh HTX tỉnh	8
29	Chi bộ Trung tâm Kiểm nghiệm DPMP	13
30	Chi bộ Viện KH LN Nam Trung bộ và TN	12

31	Chi bộ Quỹ Đầu tư phát triển	15
32	Chi bộ Hội luật gia	7
33	Trường Cao đẳng Đà Lạt	160
34	Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng	36
35	Đảng bộ Bệnh viện đa khoa	178
36	Chi bộ Hội văn nghệ - Nhà báo	9
37	Bệnh viện YHCT Phạm Ngọc Thạch	51
38	Đảng bộ Trường ĐH Yersin	51
39	Đảng bộ Vườn QG Bidoup-Núi bà	60
40	Đảng bộ TT kiểm soát bệnh tật	82
41	Đảng bộ Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng	51
42	Đảng bộ Bệnh viện Phục hồi chức năng	34
43	Chi bộ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng	17
44	Chi bộ Trường CDDL Đà Lạt	24
45	Chi bộ TT ứng dụng KTHN trong CN	14
46	Chi bộ Bệnh viện Nhi	22
47	Chi bộ Đoàn Luật sư	17
	Tổng cộng: 47 tccsd	2589

DANH SÁCH
tổ chức cơ sở đảng, đảng viên trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh

Stt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
TCD trong Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước		848
1	ĐB Công ty Điện lực Lâm Đồng	337
2	ĐB Bưu điện Lâm Đồng	83
3	ĐB Viễn thông Lâm Đồng	208
4	ĐB Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	99
5	ĐB Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lâm Đồng	68
6	CB Ngân hàng Chính sách xã hội Lâm Đồng	24
7	CB Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Thuận	18
8	CB Xí nghiệp Dầu tầm tơ Tháng Tám	11
TCD trong Doanh nghiệp Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ		75
9	CB Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Lâm Đồng	18
10	CB Công ty Bảo hiểm Nhân Thọ Lâm Đồng	8
11	CB Công ty Bảo Việt Lâm Đồng	16
12	CB Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp vùng Tây Nguyên	6
13	CB Công ty cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc	22
14	CB Công ty TNHH Thương mại dịch vụ đầu tư Vietin Đà Lạt	5
TCD trong Doanh nghiệp Nhà nước sở hữu dưới 50% vốn điều lệ		124
15	ĐB Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	78
16	CB Công ty Bảo hiểm Pjico	8
17	CB Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh	7
18	CB Công ty cổ phần phần In và Phát hành sách Lâm Đồng	12
19	CB Công ty cổ phần Sài Gòn - Đà Lạt	8
20	CB Công ty cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Đức Trọng	6
21	CB Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh tỉnh Lâm Đồng	5
TCD trong DN cổ phần tư nhân		353
22	ĐB Công ty cổ phần Du lịch Lâm Đồng	38
23	ĐB Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	48
24	ĐB Công ty cổ phần Tổng công ty Dầu tầm tơ Việt Nam	47
25	CB Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng- Ladophar	12
26	CB Công ty cổ phần Chè Lâm Đồng	5
27	CB Công ty cổ phần Dịch vụ du lịch Đà Lạt	10
28	CB Công ty cổ phần Hana Đà Lạt	6
29	CB Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt	9
30	CB Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	16
31	CB Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Lâm Đồng	15
32	CB Công ty cổ phần Tư vấn Lâm nông nghiệp Lâm Đồng	9
33	CB Khách sạn TTC Premium Đà Lạt	7
34	CB Công ty cổ phần Hoàng Gia ĐL	16
35	CB Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Lâm Đồng	14
36	CB Công ty cổ phần Vận tải ô tô Lâm Đồng	4
37	CB Công ty cổ phần Thương mại Lâm Đồng	11
38	CB Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Lâm Đồng	5
39	CB Công ty cổ phần Thiên Phúc Đức	17

40	CB Công ty cổ phần Sacom - Tuyên Lâm	10
41	CB Khách sạn Mường Thanh Đà Lạt	5
42	CB Công ty cổ phần Bốn mùa Tuyên Lâm	5
43	CB Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	10
44	CB Công ty TNHH Lửa Hồng	5
45	CB Công ty TNHH Tư vấn xây dựng địa ốc Đà Lạt	7
46	CB Công ty TNHH Trung tâm Y khoa Pasteur	17
47	CB Công ty cổ phần Cầu kiện bê tông Quốc Vương	5
TCD trong cơ quan hành chính		46
48	ĐB Ngân hàng Nhà nước Lâm Đồng	32
49	CB Cơ quan Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng	14
TCD trong DN 100% vốn ngược ngoài		16
50	CB Công ty TNHH Chè Vinasuzuki	10
51	CB Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	6
TCD trong cơ quan sự nghiệp		30
52	CB Ban quản lý Khu du lịch Quốc gia Hồ Tuyên Lâm	16
53	CB Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng	14
TỔNG CỘNG		1492

*

DANH SÁCH

**tổ chức cơ sở đảng, đảng viên của Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh
chuyển giao về Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh**

(theo Quyết định số -QĐ/TU, ngày /02/2025 của BTV Tỉnh ủy)

Stt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
1	ĐB Viễn thông Lâm Đồng (số 6 Trần Phú, Đà Lạt, Lâm Đồng)	208
2	ĐB Công ty Điện lực Lâm Đồng (số 2 Hùng Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng)	337
3	ĐB Bưu điện Lâm Đồng (số 14 Quang Trung, phường 9, Đà Lạt, Lâm Đồng)	83
4	ĐB Công ty Xăng dầu Lâm Đồng (số 59 Hùng Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng)	99
5	ĐB Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lâm Đồng (số 4-6 Hồ Tùng Mậu, phường 3, Đà Lạt, Lâm Đồng)	68
6	CB NH Chính sách xã hội Lâm Đồng (số 41 Hùng Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng)	24
7	ĐB Ngân hàng Nhà nước (Số 8 Hồ Tùng Mậu, Đà Lạt)	32
8	CB Ban quản lý Khu du lịch Hồ Tuyền Lâm (Số 5 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt)	16
9	CB Hiệp hội doanh nghiệp Lâm Đồng (Số 2A Trần Hưng Đạo, Đà Lạt)	14
10	Chi bộ Cơ quan Đảng ủy (dự kiến)	14
Tổng cộng: 10 tccsđ		895

*

DANH SÁCH

**tổ chức cơ sở đảng, đảng viên của Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh
chuyển về Đảng bộ thành phố Đà Lạt**

Stt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
1	CB Ngân hàng Hợp tác xã VN chi nhánh LĐ (Số 56 Khu Hòa Bình - Đà Lạt)	18
2	CB công ty Bảo Việt Nhân Thọ (số 5E Trần Hưng Đạo - Đà Lạt)	8
3	CB công ty Bảo Việt (Số 10A, đường Ba tháng tư, Đà Lạt)	16
4	CB công ty cp Giồng Lâm nghiệp vùng TN (Số 60 Hùng Vương, Đà Lạt)	6
5	CB CN cty TNHH TM-DVĐT Vietin tại Đà Lạt (Số 01 Lê Hồng Phong, Đà Lạt)	5
6	ĐB Công ty CP Cấp thoát nước LĐ (Số 50 Hùng Vương, Đà Lạt)	78
7	CB Công ty Bảo hiểm Pjico (178 Nguyễn Văn Trỗi, Đà Lạt)	8
8	CB công ty cp In và Phát hành sách Số 74 Ngô Quyền, Đà Lạt)	12
9	ĐB Công ty cp Du lịch Lâm Đồng (Số 01 Lê Đại Hành, Đà Lạt)	38
10	ĐB công ty cp Khoáng sản và VLXD (Số 17B Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt)	48
11	CB Cty CP Dược Lâm Đồng- Ladophar (Số 6A Ngô Quyền, Đà Lạt)	12
12	CB Cty CP Dịch vụ du lịch Đà Lạt (Số 90 Phan Đình Phùng, Đà Lạt)	10
13	CB Cty CP Hana Đà Lạt (Số 19 Lê Đại Hành, Đà Lạt)	6
14	CB công ty cp Địa ốc Đà Lạt (Số 25 Trần Phú, Đà Lạt)	9
15	CB công ty cp Thực phẩm (Số 31 Ngô Văn Sở, Đà Lạt)	16

Stt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
16	CB công ty cp Tư vấn Lâm nông nghiệp (Số 29 Hùng Vương, Đà Lạt)	9
17	CB Khách sạn TTC Premium Đà Lạt (Số 42 Nguyễn Chí Thanh, Đà Lạt)	7
18	CB công ty cp Hoàng Gia DL (Số 12 Trần Phú, Đà Lạt)	16
19	CB công ty cp Vận tải ô tô (số 9 Tô Hiến Thành, Đà Lạt)	4
20	CB công ty cp Thương mại (Số 50 Phan Đình Phùng, Đà Lạt)	11
21	CB công ty cp Thiên Phúc Đức (Số 49B Hai Bà Trưng, Đà Lạt)	17
22	CB Công ty cổ phần Sacom - Tuyên Lâm (A13/3 Trần Quang Diệu, Đà Lạt)	10
23	CB Khách sạn Mường Thanh Đà Lạt (Số 43 Phan Bội Châu, Đà Lạt)	5
24	CB Công ty cổ phần Bốn mùa Tuyên Lâm (Phân khu chức năng 7,9 KDLQG Hồ Tuyên Lâm, Đà Lạt)	5
25	CB công ty TNHH Lửa Hồng (Số 3D Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Đà Lạt)	5
26	CB Công ty TNHH Tư vấn XD Địa ốc Đà Lạt (Số 25 Trần Phú, Đà Lạt)	7
27	CB công ty cp Sài Gòn - Đà Lạt (180 đường 3/2 phường 4, Đà Lạt , Lâm Đồng)	8
28	CB Công ty TNHH Trung tâm Y khoa Pasteur Đà Lạt (Số 16 Lê Hồng Phong, Đà Lạt)	17
Tổng cộng: 28 tccsd		411

*

DANH SÁCH

**tổ chức cơ sở đảng, đảng viên của Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh
chuyển giao về Đảng bộ thành phố Bảo Lộc**

(theo Quyết định số -QĐ/TU, ngày /02/2025 của BTV Tỉnh ủy)

Stt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
1	CB Xí nghiệp Dầu tầm tơ tháng tám (371 Quốc lộ 20, xã Đại Lào, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng)	11
2	CB công ty cp Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc Số 56 Lê Thị Pha, TP Bảo Lộc)	22
3	ĐB cty cp Tổng công ty Dầu tầm tơ Việt Nam (Số 22 Quang Trung, Bảo Lộc)	47
4	CB công ty cp Xây dựng số 1 (số 79 Nguyễn Thái Học, Phường 2, Bảo Lộc)	14
5	CB Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng)	5
6	CB Cty CP Cầu kiện bê tông Quốc Vương (CN11 KCN Lộc Sơn, Bảo Lộc).	5
7	CB Cty CP Chè Lâm Đồng (Nhà điều hành Cty trồng thử nghiệm dược liệu xanh, xóm 1, thôn Tứ Quý, xã Lộc An, Bảo Lâm - chuyển về Bảo Lộc vì trụ sở chính tại Bảo Lộc)	5
8	CB Công ty CP Bia Sài Gòn - Lâm Đồng (Lô CN05, KCN Lộc Sơn, Bảo Lộc)	6
Tổng cộng: 08 tccsđ		115

*

DANH SÁCH

**tổ chức cơ sở đảng, đảng viên của Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh
chuyển giao về Đảng bộ huyện Di Linh**

(theo Quyết định số -QĐ/TU, ngày /02/2025 của BTV Tỉnh ủy)

Stt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
1	CB Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Thuận (số 161 Lê Lợi, Di Linh, Lâm Đồng)	18
2	CB công ty cp Cấp nước và Xây dựng Di Linh (Số 542 Hùng Vương, Di Linh)	7
3	CB Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành (Khu Hiệp Thành 1, Tam Bố, Di Linh)	10
4	CB công ty TNHH Chè Vinasuzuki (Số 1 Hùng Vương, Di Linh)	10
Tổng cộng: 04 tccsđ		45

*

DANH SÁCH

**tổ chức cơ sở đảng, đảng viên của Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh
chuyển giao về Đảng bộ huyện Đức Trọng**
(theo Quyết định số -QĐ/TU, ngày /02/2025 của BTV Tỉnh ủy)

Stt	Tên tổ chức cơ sở đảng	Đảng viên
1	CB cty cp Cấp thoát nước và XD Đức Trọng (Số 81 Nguyễn Công Trứ, Liên Nghĩa, Đức Trọng)	6
2	CB công ty cp Nông sản thực phẩm (Lô 30 Hiệp An, Đức Trọng)	15
3	CB công ty cp Đá quý và Vàng (Thông Trung Hiệp, Hiệp An, Đức Trọng)	5
Tổng cộng: 03 tccsđ		26

(ngày 18 tháng 12 năm 2024)

[illegible]

THỐNG KÊ DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐẢNG BỘ KHỎI CÁC CƠ QUAN TỈNH
(ngày 18 tháng 12 năm 2024)

Số t	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Trình độ							Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Thời điểm bổ nhiệm, bầu cử	Chức vụ quy hoạch cao nhất	Thời gian đóng Đảng hiếm xã hội	Ghi chú
		Nam	Nữ				Dự bị	Chính thức	Học hàm, học vị	Chuyên môn	Lý luận Chính trị	Bồi dưỡng Quản lý nhà nước	Ngạch lương	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	2	3	3	4	4	5	5	6	6	7	7	8	8	9	9	10	10	11	11
I	Thường trực Huyện ủy																			
	Hoàng Thanh Hải	09/01 1971		Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	Kinh	Không	04/12/1994	04/12/1995	Đại học	Đại học Luật	CC	CVCC	CVCC	B Anh	A	Tỉnh ủy viên, Bí thư ĐUK	04/01/2023	UVBTVTU Chủ nhiệm UBKTTU		
	Nguyễn Thị Phương Thảo		06/12 1975	Bồng Lai, Quê Võ, Bắc Ninh	Kinh	Không	06/05/2003	06/05/2004	Thạc sỹ	Thạc sỹ QTKD	CC	CVC	KTVC	CN Anh	B	Phó bí thư thường trực ĐUK	08/01/2020	UVBCHĐB T Bí thư ĐUK		
	Lương Văn Mừng	16/01 1972		Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	Kinh	Không	02/01/1996	02/01/1997	Thạc sỹ	Thạc sỹ XD Đảng	CC	CVC	CVC	BI Anh	B	Phó bí thư ĐUK kiêm Trưởng Ban TG -DV ĐUK	08/01/2020	UVBCHĐB T Bí thư ĐUK		
II	Ban Tổ chức Đảng ủy Khối																			
1	Lãnh đạo ban																			
	Nguyễn Thị Nga Oanh		15/01 1982	Thạch Ngọc, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Kinh	Không	07/03/2008	07/03/2008	Thạc sỹ	Thạc sỹ QTKD	CC	CVC	CVC	Toefl 460	KS	Trưởng Ban Tổ chức ĐUK	08/01/2020	Phó bí thư ĐUK		
	Đỗ Thị Thu Thủy		01/10 1977	Đại Cường, Đại Lộc, Quảng Nam	Kinh	Không	28/11/2003	28/11/2004	Cử nhân	Cử nhân Lịch sử	CC	CVC	CVC	B Anh	A	Phó Trưởng Ban Tổ chức ĐUK	08/01/2020	UVBTVĐU K Trưởng ban		
2	Chuyên viên																			
	Nguyễn Trần Hiền Lynh	31/10 1991		Ấn Hòa, Kim Sơn, Ninh Bình	Kinh	Không	04/02/2018	04/02/2019	Cử nhân	Cử nhân Ngôn ngữ Anh QTKD		CV	CV	CN Anh	B	Chuyên viên	07/01/2021			
	Nguyễn Thị Lê		03/10 1989	Cẩm Vịnh, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Kinh	Không	27/12/2018	27/12/2019	Cử nhân	Cử nhân Luật		CV	CV	B Anh	A	Chuyên viên	04/01/2022	Phó Trưởng ban		
III	Ban Tuyên giáo - Dân vận																			
I	Lãnh đạo ban																			
	Lương Văn Mừng	16/01 1972		Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	Kinh	Không	02/01/1996	02/01/1997	Thạc sỹ	Thạc sỹ XD đảng	CC	CVC	CVC	BI Anh	B	Phó bí thư ĐUK kiêm Trưởng Ban TG -DV ĐUK	08/01/2020	UVBCHĐB T Bí thư ĐUK		

	Trần Kiên Cường	13/10 1986		Ân Hòa, Kim Sơn, Ninh Bình	Kinh	Không	18/01/2014	18/01/2015	Cử nhân	Cử nhân văn hóa học	CC	CVC	CVC	B Anh	A	Phó Trưởng Ban TG -DV ĐUK	08/01/2024			
2	Chuyên viên																			
	Nguyễn Mạnh Hùng	26/8 1986		Xuân Linh, Nghị Xuân, Hà Tĩnh	Kinh	Không	16/5 2006	16/5 2007	Thạc sỹ	Thạc sỹ Quản lý công	CC	CVC	CV	B1 Anh	B	Phó chánh văn phòng kiểm chuyên viên Ban TG	08/01/2024			
IV	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối																			
1	Lãnh đạo UBKT																			
	Đỗ Văn Thoan	20/5 1975		Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Tĩnh	Kinh	Không	04/10/2002	04/10/2003	Cử nhân	Cử nhân Kế toán	CC	CVC	KTVC	B Anh	A	Chủ nhiệm UBKT ĐUK	08/01/2020	Phó bí thư ĐUK		
	Đoàn Thị Nguyệt		29/1 1972	Kinh An, Kim Thành, Hải Đông	Kinh	Không	03/4 2005	03/4 2006	Cử nhân	CN Kinh tế	CC	CVC	KTVC	B Anh	A	ĐUV, Phó CN UBKT Đảng Đoàn	08/01/2020			
2	Chuyên viên																			
	Bùi Công Tuấn	30/4 1986		Hùng Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Kinh	Không	08/5 2014	08/5 2015	Thạc sỹ	Thạc sỹ GD&PT CD	TC	CV		B Anh	B	Ủy viên UBKT				
V	Văn phòng Đảng ủy Khối																			
1	Lãnh đạo Ban																			
	Nguyễn Văn Bằng	14/5 1983		Bình Hiệp, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Kinh	Không	04/5 2012	04/5 2013	Cử nhân	Cử nhân văn hóa	CC	CVC	CVC	B Anh	B	Chánh VP Đảng ủy	09/01/2021	UVBTVĐUK K Phó bí thư		
	Nguyễn Mạnh Hùng	26/8 1986		Xuân Linh, Nghị Xuân, Hà Tĩnh	Kinh	Không	16/5 2006	16/5 2007	Thạc sỹ	Thạc sỹ Quản lý công	CC	CVC	CV	B1 Anh	B	Phó chánh văn phòng kiểm chuyên viên Ban TG - DV	08/01/2024	Chánh văn phòng		
2	Chuyên viên																			
	Trần Xuân Quảng	15/1 1970		Thị Long, Đông Hưng, Thái Bình	Kinh	Không	28/9 2007	28/9 2008	Cử nhân	Cử nhân tài chính kế toán		CV	CV	A Anh	B	Chuyên viên VP kiểm Kế toán		Phó chánh VP		
VI	Đoàn Khối các cơ quan tỉnh																			
1	Nguyễn Quảng Lâm	01/01 1989		Phổ Thuận, Đức Phổ, Quảng Bắc	Kinh	Không	06/6 2016	06/6 2017	Thạc sỹ			CV	CV	B Anh	B	Bí thư Đoàn khối	08/01/2024	UVBTV Tỉnh đoàn		

THỐNG KÊ DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG BỘ KHỎI CÁC CƠ QUAN TỈNH

Số t t	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Trình độ							Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Thời điểm bầu cử	Chức vụ quy hoạch cao nhất	Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội	Ghi chú
		Nam	Nữ				Dự bị	Chính thức	Học hàm, học vị	Chuyên môn	Lý luận Chính trị	Bồi dưỡng Quản lý nhà nước	Ngạch lương	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	2	3	3	4	4	5	5	6	6	7	7	8	8	9	9	10	10	11	11
A	Ban Chấp hành																			
I	Số lượng ủy viên theo quy định: 23 đồng chí																			
II	Số lượng ủy viên hiện có: 17 đồng chí																			
III	Danh sách cụ thể																			
1	Hoàng Thanh Hải	09/01 1971		Sơn Công, Ứng Hòa Hà Nội	Kinh	Không	12/4 1994	12/4 1995	12/12	CN Luật	CC	CVCC	CVCC	B Anh	A	Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối	Chuyển về tháng 4/2023	UVBTVT U Chủ nhiệm UBKTTU		
2	Nguyễn Văn Bảng	14/5 1983		Bình Hiệp, Bình Sơn, Quảng Bắc	Kinh	Không	4/5 2012	4/5 2013	12/12	CN Văn hóa học	CC	CVC	CVC	B Anh	B	Chánh văn phòng Đảng ủy	Tháng 8/2021	PBT ĐUK		
3	Trần Kiên Cường	13/10 1986		An Hòa, Kim Sơn	Kinh	Không	18/01 2014	18/01 2015	12/12	CN VH học	CC	CV	TD CVC	B Anh	A	Phó trưởng Ban Tuyên giáo, Đảng ủy	Tháng 8/2020	Không		
4	Nguyễn Thanh Hùng	19/02 1970		Nhơn Phúc, An Nhơn, Bình Định	Kinh	Không	21/12 2001	21/12 2002	12/12	CN Ngữ văn	CC	CV	CVC	B Anh	A	PBT Đảng ủy cơ sở, Phó Giám đốc	Tháng 8/2020			
5	Lê Thanh Liêm	18/5 1972		Thọ Ngọc, Triệu Sơn, Thanh Hóa	Kinh	Không	13/6 2006	13/6 2007	12/12	CN Vật lý	CC	CVC	CVC	B Anh	B	Phó Giám đốc, Phó Giám đốc	Tháng 8/2020			
6	Lương Văn Mừng	16/1 1972		Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	Kinh	Không	1/2 1996	1/2 1997	12/12	ThS XD Đảng	CC	CVC	CVC	B1 Anh	B	Phó Bí thư Đảng ủy Khối	Tháng 8/2020	BT ĐUK		
7	Nguyễn Thị Bích Ngọc		17/11 1972	Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng	Kinh	Không	12/2 2005	12/2 2006	12/12	CN Du lịch	CC	CVC	CVCC	B Anh	A	Bí Đảng ủy cơ sở, PGD Sở	Tháng 8/2020			
8	Đoàn Thị Nguyệt		19/01 1972	Kim Anh, Kim Thành, Hải Dương	Kinh	Không	03/04 2006	03/04 2007	12/12	CN Kế toán	CC	KTV	TD CVC	B Anh	A	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	Tháng 8/2020			
9	Dương Anh Ngữ	01/10 1965		Thành, Tuy Phước, Bình Định	Kinh	Không	03/2 2000	03/2 2001	12/12	CN Ngữ văn	CC	CVC	CVCC	B Anh	B	BTCB cơ sở, Phó Chủ tịch Ủy ban Tư tưởng	Tháng 8/2020			
10	Nguyễn Thị Nga Oanh		15/1 1982	Thạch Ngọc, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Kinh	Không	3/7 2008	3/7 2009	12/12	ThS QTKD	CC	CVC	CVC	ToeFl 460	KS	Ban Tổ chức Đảng ủy Khối	Tháng 8/2020	PBT ĐUK		
11	Lê Minh Quang	1973		Đức Nhuận, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Kinh	Không	06/4 2001	06/4 2002	12/12	ThS Tôn giáo	CC	CVC	CVC	C Anh	B	Bí thư ủy cơ sở, Phó trưởng Đảng	Tháng 8/2020			

12	Bùi Quang Sơn	26/10 1965		Bình An, Bình Sơn Quảng Ngãi	Kinh	Không	21/10 1996	21/10 1997	12/12	Tiến sĩ Kinh tế	CC	CVC	CVC	B2 Anh	A	BT Đảng ủy cơ sở, Hiệu trưởng Trường CD Đà Lạt	Tháng 8/2020			
13	Nguyễn Thị Phương Thảo		06/12 1975	Bồng Lai, Quê Võ Bắc Ninh	Kinh	Không	05/6 2003	05/6 2004	12/12	ThS QTKD	CC	KTVC	CVC	CN Anh	B	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối	Tháng 8/2020	BT ĐUK		
14	Đỗ Văn Thoan	20/5 1975		Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	Kinh	Không	10/4 2002	10/4 2003	12/12	Cử nhân Kế toán	CC	KTVC	CVC	B Anh	A	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Khối	Tháng 8/2020	PBT ĐUK		
15	Phạm Sỹ Thế	10/10 1977		Nam Tân, Nam Dân Nghệ An	Kinh	Không	20/8 2008	20/8 2009	12/12	CN VN học	DH CC	CVC	CVC	B Anh	B	Chủ tịch Công đoàn Viên chức tính	Tháng 8/2020	PBT ĐUK		
16	Đỗ Thị Thu Thủy		01/10 1977	Đại Cường, Đại Lộc Quảng Nam	Kinh	Không	28/11 2003	28/11 2004	12/12	CN Lịch sử	CC	CV	TD CVC	B Anh	A	Phó trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy Khối	Tháng 8/2020	UVBTV ĐUK		
17	Nguyễn Quang Tuyền	08/12 1965		Như Thủy, Sông Lô, Vĩnh Phúc	Kinh	Không	05/ 1994	05/ 1995	12/12	CN Luật	CC	KSVTC	CVC	B Anh	A	Bí thư Đảng ủy cơ sở, Giám đốc Sở Tư pháp	Tháng 8/2020			
B Ban Thường vụ																				
I Số lượng ủy viên theo quy định: 07 đồng chí																				
II Số lượng ủy viên hiện có: 05 đồng chí																				
III Danh sách cụ thể																				
1	Hoàng Thanh Hải	09/01 1971		Sơn Công, Ứng Hòa Hà Nội	Kinh	Không	12/4 1994	12/4 1995	12/12	CN Luật	CC	CVCC	CVCC	B Anh	A	Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối	Chuyển về tháng 4/2023	UVBTVT U Chủ nhiệm UBKTTU		
2	Nguyễn Thị Phương Thảo		06/12 1975	Bồng Lai, Quê Võ Bắc Ninh	Kinh	Không	05/6 2003	05/6 2004	12/12	ThS QTKD	CC	KTVC	CVC	CN Anh	B	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối	Tháng 8/2020	BT ĐUK		
3	Lương Văn Mừng	16/1 1972		Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	Kinh	Không	1/2 1996	1/2 1997	12/12	ThS XD Đảng	CC	CVC	CVC	B1 Anh	B	Phó Bí thư Đảng ủy Khối	Tháng 8/2020	BT ĐUK		
4	Nguyễn Thị Nga Oanh		15/1 1982	Thạch Ngọc, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Kinh	Không	3/7 2008	3/7 2009	12/12	ThS QTKD	CC	CVC	CVC	Toefl 460	KS	Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy Khối	Tháng 8/2020	PBT ĐUK		
5	Đỗ Văn Thoan	20/5 1975		Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	Kinh	Không	10/4 2002	10/4 2003	12/12	Cử nhân Kế toán	CC	KTVC	CVC	B Anh	A	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Khối	Tháng 8/2020	PBT ĐUK		

*

CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐẢNG BỘ KHỎI CÁC CƠ QUAN TỈNH

Số t t	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Hình thức khen thưởng cao nhất	Vi phạm kỷ luật (ghi rõ hình thức, năm vi phạm, lý do)	Đánh giá đảng viên, cán bộ, công chức				Ghi chú
		Nam	Nữ				năm 2021	năm 2022	năm 2023	năm 2024	
1	2	3		16							
A	Thường trực Đảng ủy:	09/01 1971									
1	Hoàng Thanh Hải		06/12 1975	Thường ủy viên, Bí thư ĐUK	Đang khen Thủ tướng Chính phủ		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
2	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/01 1972		Phó Bí thư ĐUK	Đang đề nghị tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ		HTXSNV	HTXSNV	HTTNV	HTTNV	
3	Lương Văn Mừng	Nam		Phó Bí thư ĐUK	Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh		HTXSNV	HTXSNV	HTXSNV	HTTNV	
B	Ban Tổ chức										
I	Trường ban:										
1	Nguyễn Thị Nga Oanh		15/01 1982	Trưởng Ban Tổ chức	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ		HTXSNV	HTXSNV	HTTNV	HTTNV	
2	Đỗ Thị Thu Thủy		01/10 1977	Phó Trưởng Ban Tổ chức	Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh		HTXSNV	HTXSNV	HTXSNV	HTTNV	
3	Nguyễn Thị Lê		03/10 1989	Chuyên viên	Giấy khen Thủ trưởng cơ quan		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
4	Nguyễn Trần Hiền Lynh	31/10 1991		Chuyên viên	Giấy khen Thủ trưởng cơ quan, Giấy khen...		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXSNV	
C	Ủy Ban kiểm tra										
1	Đỗ Văn Thoan	20/5 1975		Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra ĐUK	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
2	Đoàn Thị Nguyệt		29/1 1972	Phó chủ nhiệm	Chiến sĩ thi đua		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
3	Bùi Công Tuấn	30/4 1986		Ủy viên UBKT	Giấy khen của thủ trưởng cơ quan		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
D	Ban Tuyên giáo - Dân vận										
1	Lương Văn Mừng	16/01 1972		Phó Bí thư ĐUK kiêm trưởng ban	Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh		HTXSNV	HTXSNV	HTXSNV	HTTNV	
2	Trần Kiên Cường	13/10 1986		Phó Trưởng ban	Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Kỷ luật Khiển trách năm 2023 do vi phạm Luật Giao thông đường bộ	HTXSNV	HTTNV	KHTNV	HTTNV	

3	Nguyễn Mạnh Hùng	26/8 1986		Phó chánh Văn phòng kiêm chuyên viên Ban Tuyên giáo - Dân vận	Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Kỷ luật Cách chức năm 2018 do vi phạm xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác	HTTNV	HTXS NV	HTXS NV	HTXS NV	
E	Văn phòng										
1	Nguyễn Văn Bằng	14/5 1983		Chánh Văn phòng	Giấy khen của thủ trưởng cơ quan		HTTNV	HTTNV	HTXS NV	HTTNV	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	26/8 1986		Phó chánh Văn phòng kiêm chuyên viên Ban Tuyên giáo - Dân vận	Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Đề nghị chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	Kỷ luật Cách chức năm 2018 do vi phạm xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác	HTTNV	HTXS NV	HTXS NV	HTXS NV	
3	Trần Xuân Quảng	15/1 1970		Chuyên viên VP kiêm Kế toán	Giấy khen của thủ trưởng cơ quan		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	
D	Đoàn Khối các cơ quan tỉnh										
1	Nguyễn Quảng Lâm	01/01 1989		Bí thư đoàn khối	Bằng khen Trung ương Đoàn		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

THỐNG KÊ DANH SÁCH LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG CỦA ĐẢNG ỦY KHỎI CÁC CƠ QUAN TỈNH

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Trình độ chuyên môn	Chức vụ, cơ quan, đơn vị công tác hiện nay theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội	Ghi chú
		Nam	Nữ				Dự bị	Chính thức				
I	Văn phòng Huyện ủy.	Số lao động hợp đồng được giao:										
1	Đặng Đình Quảng	18/4/1966		Tru Quỳnh, Gia Lâm, Hà Nội	Kinh	Không	*3/2/2012	*3/2/2013	Lái xe	Lái xe	26 năm 3 tháng	
2	Trần Thị Tuyết Phương		18/9/1986	T. Bình Định		Công giáo			Tạp vụ	Tạp vụ	13 năm 10 tháng	

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐẢNG BỘ KHỎI DOANH NGHIỆP

[illegible]

THỐNG KÊ DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐẢNG ỦY KHỐI DOANH NGHIỆP TỈNH[illegible]

1	Hoàng Thu Viên		22/12/1973	Cao Bằng	Tây	Không	13/7/2001	13/7/2002		Thạc sĩ	Cao cấp	CVC	A2.1 (04.024A)	C	B	Chủ nhiệm UBKT	Aug-20	Phó BT ĐUK	28 năm 9 tháng	
2	Phạm Hữu Lợi	24/5/1975		Nghệ An	Kinh	Không	05/07/2004	05/07/2005		Đại học	Cao cấp	CVC	A2.1 (04.025A)	B	B	Phó Chủ nhiệm UBKT	Aug-20	chủ nhiệm UBKT	27 năm 11 tháng	
2	Ủy viên																			
1	Lê Thị Hà		08/06/1986	Hà Tĩnh	Kinh	Không	04/10/2012	04/10/2013		Thạc sĩ	Trung cấp	CV	A1(01.003	B	A	Ủy viên UBKT	Aug-20		15 năm 01 tháng	
V	Văn phòng Đảng ủy Khối																			
I	Lãnh đạo VP																			
	Trần Văn Thế	25/02/1980		Nghệ An	Kinh	Không	27/01/2011	27/01/2012		Đại học	Cao cấp	CVC	2.1(01.00	B	A	Chánh VP ĐUK	Aug-20	Bí thư ĐUK	19 năm 01 tháng	
2	Chuyên viên, nhân viên																			
1+A39	Phạm Thị Lưu		29/6/1983	Thanh Hóa	Kinh	Không	04/10/2012	04/10/2013		Đại học	Trung cấp	cv	A1(01.003	B	A				16 năm 10 tháng	
2	Võ Thị Tuyết Lan		05/05/1995	Bình Định	Kinh	Không	06/05/2023	06/05/2024		Trung cấp			D(02.008)	B	Cơ bản	Văn thư			6 năm	Đang học đại học
VI	Đoàn Khối																			
1	Nguyễn Ý Nhi		11/04/1990	Tiền Giang	Kinh	Không	06/08/2017	06/08/2018		Thạc sĩ	Cao cấp	CVC	A1(01.003	B	A	Bí thư Đoàn	2022			

THỐNG KÊ DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG BỘ KHỞI DOANH NGHIỆP

Số t t	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quốc quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Trình độ							Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Thời điểm bầu cử	Chức vụ quy hoạch cao nhất	Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội	Ghi chú
		Nam	Nữ				Dự bị	Chính thức	Học hàm, học vị	Chuyên môn	Lý luận Chính trị	Bồi dưỡng Quản lý nhà nước	Ngạch lương	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	2	3	3	4	4	5	5	6	6	7	7	8	8	9	9	10	10	11	11
A	Ban Chấp hành																			
I	Số lượng ủy viên theo quy định: 23																			
II	Số lượng ủy viên hiện có: 17																			
III	Danh sách cụ thể																			
1	Hoàng Xuân Hường	20/8/1967		Hà Tĩnh	Kinh	Không	20/3/1989	20/3/1990		Đại học	Cao cấp	CVCC	A3.1(01.001)	B	B	Bí thư ĐUK	Aug-20		38 năm 11 tháng	
2	Nguyễn Thị Bích Hiền		31/10/1975	Thái Bình	Kinh	Không	04/03/2004	04/03/2005		Đại học	Cao cấp	CVC	A2.1(01.002)	B	A	Trưởng Ban TC	Aug-20	Bí thư ĐUK		
3	Hoàng Thu Viễn		22/12/1973	Cao Bằng	Tày	Không	13/7/2001	13/7/2002		Thạc sĩ	Cao cấp	CVC	A2.1 (04.024A)	C	B	Chủ nhiệm UBKT	Aug-20	Phó Bí thư ĐUK		
4	Trần Văn Thế	25/02/1980		Nghệ An	Kinh	Không	27/01/2011	27/01/2012		Đại học	Cao cấp	CVC	A2.1(01.002)	B	A	Chánh VP ĐUK	Aug-20	Bí thư ĐUK		
5	Nguyễn Quang Thắng	07/11/1970		Bình Định	Kinh	Không	10/12/1995	10/12/1996		Đại học	Cử nhân	CVC	A2.1(01.002)	B	A	Phó Ban TC	Aug-20	UVBTVD UK		
6	Phạm Hữu Lợi	24/5/1975		Nghệ An	Kinh	Không	05/07/2004	05/07/2005		Đại học	Cao cấp	CVC	A2.1 (04.025A)	B	B	Phó Chủ nhiệm UBKT	Aug-20	UVBTVD UK		
7	Nguyễn Văn Tâm	07/05/1967		T.T. Huế	Kinh	Không	07/07/2005	01/07/2006		Thạc sĩ	Cao cấp	CVC	A2.1(01.002)	C	B	Trưởng Ban TG-DV	Aug-20	UVBTVD UK		
8	Nguyễn Ý Nhi		11/04/1990	Tiền Giang	Kinh	Không	06/08/2017	06/08/2018		Thạc sĩ	Cao cấp	CVC	A1(01.003)	B	A	Bí thư Đoàn Khối	Apr-23	UVBTVD UK	11 năm 2 tháng	
9	Hoàng Việt Hùng	11/11/1964		Nghệ An	Kinh	Không	19/8/2001	19/8/2002		Thạc sĩ	Trung cấp			C	VP	BTCS, TGD cty cp Sài Gòn-ĐL	Aug-20			UV kiểm

10	Vũ Đình Tuấn	08/01/1965		Ninh Bình	Kinh	Không	04/05/1994	04/05/1995		Thạc sĩ	Cử nhân			B	A	PBTĐU, GD CTY TNHHMT V Xổ Số Lotto	Aug-20			UV kiểm
11	Huỳnh Ngọc Hùng	23/4/1972		Quảng Ngãi	Kinh	Không	10/08/1999	10/08/2000		Đại học	Cao cấp			Pháp B	A	PBTĐU, PGD CTY Xăng dầu	Aug-20	UVBTVD UK		UV kiểm
12	Võ Văn Thanh	15/5/1970		Bình Định	Kinh	Không	12/09/2003	12/09/2004		Thạc sĩ	Cao cấp			C	Cử nhân	BTĐU, GD Ngân hàng Nhà nước LD	Aug-20	UVBTVD UK		UV kiểm
13	Nguyễn Tấn Dịch	30/12/1973		Quảng Ngãi	Kinh	Không	19/8/2003	08/09/2004		Đại học	Cao cấp			B	A	BTĐU, GD Ngân hàng Nhà nước LD	Aug-20	UVBTVD UK		UV kiểm
14	Nguyễn Hùng Cường	25/11/1966		Nghệ An	Kinh	Không	26/7/2000	26/7/2001		Đại học	Cao cấp					BTĐU, GD CTY CP Cấp thoát nước LD	Apr-23			UV kiểm
15	Thái Minh Cương	21/6/ 1971		Châu Phong Tân Châu, An Giang	Kinh	Không	16/10/ 1997	16/10/ 1998		Thạc sĩ	Cao cấp			B		BTĐU, GD CTY Điện Lực LD	Jun-24			UV kiểm
16	Phạm Hồng Hải	29/8/ 1976		Đại Hóa, Tân Yên, Bắc Giang	Kinh	Không	19/9/ 2004	19/9/ 2005		Thạc sĩ	Cao cấp					BTĐU, GD Bưu Điện tỉnh	Jun-24			UV kiểm
17	Nguyễn Thị Ngọc Thu		06/12/ 1978	Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam	Kinh	Không	15/01/ 2006	15/01/ 2007		Thạc sĩ	Cao cấp			C		BTĐU, GD Ngân hàng chính sách xã hội	Jun-24			UV kiểm
B	Ban Thường vụ																			
I	Số lượng ủy viên theo quy định: 07																			
II	Số lượng ủy viên hiện có: 04																			
III	Danh sách cụ thể																			
1	Hoàng Xuân Hường	20/8/1967		Hà Tĩnh	Kinh	Không	20/3/ 1989	20/3/ 1990		Đại học	Cao cấp	CVCC	A3.1(01.001)	B	B	Bí thư ĐUK	Aug-20		38 năm 11 tháng	
2	Nguyễn Thị Bích Hiền		31/10/1975	Thái Bình	Kinh	Không	04/03/2004	04/03/2005		Đại học	Cao cấp	CVC	A2.1(01.002)	B	A	Trưởng Ban TC	Aug-20	Bí thư ĐUK		

3	Hoàng Thu Viễn		22/12/1973	Cao Bằng	Tày	Không	13/7/2001	13/7/2002		Thạc sĩ	Cao cấp	CVC	A2.1 (04.024A)	C	B	Chủ nhiệm UBKT	Aug-20	Phó Bí thư ĐUK		
4	Trần Văn Thế	25/02/1980		Nghệ An	Kinh	Không	27/01/2011	27/01/2012		Đại học	Cao cấp	CVC	A2.1(01.002)	B	A	Chánh VP ĐUK	Aug-20	Bí thư ĐUK		

*

CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CƠ QUAN ĐẢNG ỦY KHỐI DOANH NGHIỆP TỈNH

Số t t	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Hình thức khen thưởng cao nhất	Vi phạm kỷ luật (ghi rõ hình thức, năm vi phạm, lý do	Xếp loại			
		Nam	Nữ				2022	2023	2023	2024
1	2	3		16						
A	Thường trực Đảng ủy: (02)									
1	Hoàng Xuân Hường	20/08/1967		Bí thư Đảng ủy	Huân chương lao động hạng ba	không	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
B	Ban Tổ chức Đảng ủy Khối (04)									
I	Trưởng Ban Tổ chức: (01)									
1	Nguyễn Thị Bích Hiền		31/10/1975	UVBTƯ, Trưởng ban Tổ chức	Bằng khen UBND tỉnh	không	HTXS	HTTNV	HTTNV	HTXS
II	Phó trưởng ban Tổ chức: (01)									
1	Nguyễn Quang Thắng	11/07/1970		UVBCH, Phó Ban	không	không	HTXS	HTXS	HTXS	HTTNV

1	Trần Văn Thế	25/02/1980		UVBTV, Chánh Văn phòng	Bằng Khen Thủ trưởng Chính phủ	không	HTXS	HTXS	HTTNV	HTXS
II	Chuyên viên Văn phòng: (02)									
1	Phạm Thị Lựu		29/06/1983	Kế toán Đảng ủy	không	không	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Võ Thị Tuyết Lan		05/05/1995	Văn thư	Không	không		Chưa đủ thời gian xếp loại công chức	HTTNV	HTTNV
F	ĐOÀN KHỐI DOANH NGHIỆP									
I	Bí thư Đoàn Khối (01)									
1	Nguyễn Ý Nhi		04/11/1990	Bí thư Đoàn Khối	Bằng khen Trung ương Đoàn	Không	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

THỐNG KÊ DANH SÁCH LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG CỦA ĐẢNG ỦY KHỎI DOANH NGHIỆP

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Tôn giáo	Ngày vào Đảng		Trình độ chuyên môn	Chức vụ, cơ quan, đơn vị công tác hiện nay theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội	Ghi chú
		Nam	Nữ				Dự bị	Chính thức				
I	Văn phòng Đảng ủy. Số lao động hợp đồng được giao: 03											
1	Hoàng Văn Thành	1/8/1961		Đại An, Văn Quan, Lạng Sơn	Tày	Không	11/9/2006	11/9/2007	Lái xe	Lái xe	hưu trí hợp đồng	
2	Nguyễn Bá Quốc Khánh	8/8/1959		P4, Đà Lạt, Lâm Đồng	Kinh	Không	Không	Không	Bảo vệ	bảo vệ	hợp đồng hàng năm	
3	Tổng Thị Thủy Hương		19/3/1959	Xuân Trường, Đà Lạt, Lâm Đồng	Kinh	Không	không	không	tạp vụ	tạp vụ	hợp đồng hàng năm	